

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 50

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi mốt tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên

##### BAN KIỂM SOÁT

Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên

##### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Đặng Ngọc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023



Số: 154/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Hải Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 26/8/2023, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đến Thuyết minh số 7.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đề cập đến thông tin vụ kiện của Công ty Cổ phần Hải Minh đối với bị đơn là Ông Trần Minh Thắng.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 26/8/2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cũng đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 22/3/2023 về việc kiểm toán viên tiền nhiệm chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với giá gốc là 3.000.000.000 VND. Vì lý do này, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn này hay không cũng như số dư phòng phải trích lập nếu có. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, khoản phải thu đối với việc đầu tư vào trái phiếu nêu trên đã được đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng. Do vậy, vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.



*(Handwritten signature in blue ink)*

Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>55.613.504.031</b>	<b>80.923.937.735</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>22.234.510.941</b>	<b>26.802.558.476</b>
1. Tiền	111		8.934.510.941	12.102.558.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.300.000.000	14.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.658.384.111</b>	<b>13.059.032.145</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.3	2.658.384.111	3.688.869.149
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.3	-	(129.837.004)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	9.000.000.000	9.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.907.824.540</b>	<b>37.024.534.491</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.5	11.282.200.880	9.023.132.129
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.6	450.821.650	27.662.743.576
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	5.000.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.8	4.662.811.757	794.090.323
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.9	(3.488.009.747)	(455.431.537)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.10</b>	<b>144.146.552</b>	<b>137.933.887</b>
1. Hàng tồn kho	141		144.146.552	137.933.887
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.668.637.887</b>	<b>3.899.878.736</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.15	1.380.976.991	1.498.201.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.138.643.719	1.415.032.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	1.149.017.177	986.644.957
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>165.038.200.706</b>	<b>141.635.012.802</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.8	5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>105.076.245.363</b>	<b>109.609.985.780</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	84.740.103.372	88.985.683.403
- Nguyên giá	222		192.312.713.827	192.312.713.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.572.610.455)	(103.327.030.424)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	20.336.141.991	20.624.302.377
- Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.722.390.702)	(3.434.230.316)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.13</b>	<b>27.557.419.576</b>	-
1. Nguyên giá	231		27.557.419.576	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>176.163.000</b>	<b>202.363.636</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	176.163.000	202.363.636
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>27.239.528.947</b>	<b>26.971.137.631</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.4	27.239.528.947	26.971.137.631
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.983.843.820</b>	<b>4.846.525.755</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.15	4.916.376.458	4.809.891.322
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.16	67.467.362	36.634.433
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>220.651.704.737</b>	<b>222.558.950.537</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>23.191.910.274</b>	<b>24.502.897.016</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.375.655.212</b>	<b>24.167.769.016</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.17	5.237.050.964	6.919.327.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.444.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	2.146.960.384	588.831.466
4. Phải trả người lao động	314		1.197.773.259	3.279.266.761
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	792.508.053	268.520.921
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	2.071.397.938	968.905.354
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	10.000.000.000	11.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		929.964.614	1.141.472.708
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>816.255.062</b>	<b>335.128.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	428.128.000	335.128.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	388.127.062	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>197.459.794.463</b>	<b>198.056.053.521</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>197.459.794.463</b>	<b>198.056.053.521</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.776	6.746.673.815
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.870.085.075	56.488.961.097
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		56.219.661.506	54.527.020.469
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(349.576.431)	1.961.940.628
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.345.170.041	1.322.553.038
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>220.651.704.737</b>	<b>222.558.950.537</b>

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023  
 Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.824.331.766	42.780.222.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>38.824.331.766</b>	<b>42.780.222.342</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	32.235.174.453	36.176.723.245
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.589.157.313</b>	<b>6.603.499.097</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	967.374.024	3.538.190.971
7. Chi phí tài chính	22	6.4	344.089.631	2.787.386.938
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		428.000.000	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(40.911.922)	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.713.335.617	3.848.801.079
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	<b>30</b>		<b>458.194.167</b>	<b>3.505.502.051</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	68.181.818	13.222.103
13. Chi phí khác	32	6.6	355.247.090	268.924.495
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>(287.065.272)</b>	<b>(255.702.392)</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>171.128.895</b>	<b>3.249.799.659</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	125.105.965	814.917.397
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	357.294.133	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(311.271.203)</b>	<b>2.434.882.262</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(349.576.431)	2.454.600.033
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		38.305.228	(19.717.771)
21. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.9</b>	<b>(27)</b>	<b>180</b>


Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		171.128.895	3.249.799.659
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.533.740.417	4.693.256.388
- Các khoản dự phòng	03		2.902.741.206	2.536.859.135
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.219.651	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(618.278.874)	(1.709.442.569)
- Chi phí lãi vay	06		428.000.000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.419.551.295	8.770.472.613
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.359.271.668)	6.908.303.610
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.212.665)	270.887.629
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(870.538.399)	246.716.214
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.739.546	(504.438.004)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.030.485.038	5.230.432.790
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.008.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(945.776.136)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(617.458.500)	(1.820.465.529)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>573.286.314</b>	<b>18.156.133.187</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(168.163.000)	(28.320.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	(10.700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		853.554.432	2.382.746.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.114.608.568)</b>	<b>(3.345.573.131)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(271.279.833)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.505.630)	(51.101.273.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.024.505.630)</b>	<b>(51.372.552.933)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(4.565.827.884)</b>	<b>(36.561.992.877)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>26.802.558.476</b>	<b>80.588.184.777</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.219.651)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>22.234.510.941</b>	<b>44.026.191.900</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**Người lập biểu**

**Đào Thế Hưng**

**Kế toán trưởng**

**Đào Thế Hưng**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023*

**Tổng Giám đốc**



**Đặng Ngọc Hùng**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2023 là 143 người (tại ngày 31/12/2022 là 140 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, các dịch vụ về vận tải.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty con trực tiếp</b>								
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%	96,79%	
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	
<b>Các Công ty liên kết</b>								
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%	

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán**

**Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:**

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 30/6/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 40 đến 43 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản**

**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý

5.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	643.594.314	1.057.757.614
Tiền gửi ngân hàng	8.290.916.627	10.543.089.850
Tiền đang chuyển	-	501.711.012
Các khoản tương đương tiền (i)	13.300.000.000	14.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	13.300.000.000	14.700.000.000
<b>Tổng</b>	<b>22.234.510.941</b>	<b>26.802.558.476</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất áp dụng từ 4,5%/năm đến 4,7%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	9.000.000.000	9.000.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
- Trái phiếu (ii)	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm. Trong đó, Công ty đã cầm cố, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị tại ngày 30/6/2023 là 4.000.000.000 VND (tại ngày 01/01/2023: 4.000.000.000 VND), cho mục đích phát hành bảo lãnh thanh toán.

(ii) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh "Công ty Tân Hoàng Minh" thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>2.397.945</b>	<b>2.397.945</b>	<b>2.402.233</b>	<b>2.402.233</b>	-	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>						
Các cổ phiếu khác	2.397.945	2.397.945	2.402.233	2.402.233	-	-
<b>Tổng giá trị trái phiếu</b>	<b>2.655.986.166</b>	<b>2.655.986.166</b>	<b>2.686.466.916</b>	<b>2.686.466.916</b>	-	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>						
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại TP. Hồ Chí Minh	1.401.645.820	1.401.645.820	1.401.645.820	1.401.645.820	-	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.330.052.998	1.330.052.998	1.330.052.998	1.330.052.998	-	-
Các trái phiếu khác	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí mua trái phiếu phân bổ	(75.712.652)	(75.712.652)	(75.712.805)	(75.712.805)	-	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>870.162.996</b>	<b>(129.837.004)</b>	<b>(129.837.004)</b>
Chứng chỉ quỹ tại TBGS	-	-	1.000.000.000	870.162.996	-	(129.837.004)
<b>Tổng</b>	<b>2.658.384.111</b>	<b>2.658.384.111</b>	<b>3.688.869.149</b>	<b>3.559.032.145</b>	<b>-</b>	<b>(129.837.004)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.4 Đầu tư vào Công ty liên kết**

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ					
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	26,00%	Quyền biểu quyết 26,00%	Giá gốc 27.300.000.000	Giá trị hợp lý (i) 27.239.528.947	Giá gốc 27.000.000.000	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu 26.971.137.631
<b>Tổng</b>			<b>27.300.000.000</b>	<b>27.239.528.947</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>26.971.137.631</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	323.726.700	1.136.662.750
Công ty Cổ phần Ô tô TOYOTA Việt Nam	721.151.645	2.171.778.832
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	2.765.048.214	1.498.564.680
Phải thu các đối tượng khác	7.472.274.321	4.216.125.867
<b>Tổng</b>	<b>11.282.200.880</b>	<b>9.023.132.129</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Trình bày lại)</i>	<i>1.232.614.116</i>	<i>890.328.624</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

**5.6 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	-	20.009.363.617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	-	7.548.055.959
Các đối tượng khác	450.821.650	105.324.000
<b>Tổng</b>	<b>450.821.650</b>	<b>27.662.743.576</b>

(i) Khoản trả trước liên quan đến chi phí môi giới mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

**5.7 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (i)	5.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

(i) Cho vay theo Hợp đồng vay tiền số 20230623/HMLHMPS ngày 23/6/2023 của Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh, một Công ty con của Công ty; Số tiền cho vay: 5.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 1 năm; Lãi suất: 7,0%/năm; Mục đích cho vay: Phục vụ kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.8 Phải thu khác**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.662.811.757</b>	<b>(3.022.710.762)</b>	<b>794.090.323</b>	<b>(22.710.762)</b>
Tạm ứng cho nhân viên	384.815.566	-	319.529.840	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	216.794.521	-	28.109.589	-
Công ty Bảo Minh Hải Phòng - Phải thu bồi thường	217.549.221	-	217.549.221	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (i)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Phải thu khác (ii)	843.652.449	(22.710.762)	228.901.673	(22.710.762)
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>4.667.811.757</b>	<b>(3.022.710.762)</b>	<b>799.090.323</b>	<b>(22.710.762)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</i>	<i>19.671.233</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

(i) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh “Công ty Tân Hoàng Minh” thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.9 Nợ xấu**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	137.731.560	-	137.731.560	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	194.989.215	-	194.989.215	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	22.710.762	-	22.710.762	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lam Logictic	86.691.902	54.113.692	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	3.000.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.542.123.439</b>	<b>54.113.692</b>	<b>455.431.537</b>	<b>-</b>

**5.10 Hàng tồn kho**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	144.146.552	-	137.933.887	-
<b>Tổng</b>	<b>144.146.552</b>	<b>-</b>	<b>137.933.887</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	71.011.977.839	5.627.171.604	2.414.000.000	192.312.713.827	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/6/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	71.011.977.839	5.627.171.604	2.414.000.000	192.312.713.827	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.179.846.702	686.280.188	55.536.796.708	4.488.470.719	435.636.107	103.327.030.424	
Tăng trong kỳ	1.760.439.054	44.854.908	1.953.014.465	359.304.948	127.966.656	4.245.580.031	
Khấu hao trong kỳ	1.760.439.054	44.854.908	1.953.014.465	359.304.948	127.966.656	4.245.580.031	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/6/2023	43.940.285.756	731.135.096	57.489.811.173	4.847.775.667	563.602.763	107.572.610.455	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2023	69.644.891.087	748.546.407	15.475.181.131	1.138.700.885	1.978.363.893	88.985.683.403	
Tại ngày 30/6/2023	67.884.452.033	703.691.499	13.522.166.666	779.395.937	1.850.397.237	84.740.103.372	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 42.421.333.980 VND (tại ngày 01/01/2023: 41.041.292.543 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	24.058.532.693	24.058.532.693
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	3.434.230.316	3.434.230.316
Tăng trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Khấu hao trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	3.722.390.702	3.722.390.702
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	20.624.302.377	20.624.302.377
Tại ngày 30/6/2023	20.336.141.991	20.336.141.991

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

**5.13 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 55.000.001 VND và 12.960.043 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	-	194.363.636
Dự án xây dựng kho hàng Hải Minh	176.163.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	8.000.000
<b>Tổng</b>	<b>176.163.000</b>	<b>202.363.636</b>

**5.15 Chi phí trả trước**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.380.976.991</b>	<b>1.498.201.673</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	213.443.876	58.153.028
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	214.107.970	111.530.468
Chi phí sửa chữa tài sản	318.087.474	490.093.471
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	26.812.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	608.525.171	838.424.706
<b>Dài hạn</b>	<b>4.916.376.458</b>	<b>4.809.891.322</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	604.636.543	527.164.677
Chi phí sửa chữa tài sản	3.495.606.008	3.812.516.004
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	159.876.482	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	656.257.425	470.210.641
<b>Tổng</b>	<b>6.297.353.449</b>	<b>6.308.092.995</b>

**5.16 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>67.467.362</b>	<b>36.634.433</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	67.467.362	36.634.433
<b>Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>388.127.062</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	388.127.062	-
<b>Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.17 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	1.083.798.579	1.083.798.579	3.166.373.246	3.166.373.246
Samudera Shipping Line Ltd.	937.277.999	937.277.999	293.378.097	293.378.097
Phải trả cho các đối tượng khác	3.215.974.386	3.215.974.386	3.459.576.463	3.459.576.463
<b>Tổng</b>	<b>5.237.050.964</b>	<b>5.237.050.964</b>	<b>6.919.327.806</b>	<b>6.919.327.806</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>260.388.000</i>	<i>260.388.000</i>	<i>171.716.200</i>	<i>171.716.200</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>				

**5.18 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>588.831.466</b>	<b>3.862.716.177</b>	<b>2.304.587.259</b>	<b>2.146.960.384</b>
Thuế giá trị gia tăng	380.890.128	1.879.445.506	1.500.653.165	759.682.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp		125.105.965	-	125.105.965
Thuế thu nhập cá nhân	65.030.088	172.243.078	219.262.931	18.010.235
Thuế tài nguyên		-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.090.708.818	32.174.000	1.058.534.818
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	558.852.234	516.136.587	112.407.206
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	73.219.691	36.360.576	36.360.576	73.219.691
<b>Phải thu</b>	<b>986.644.957</b>	<b>(102.082.192)</b>	<b>60.290.028</b>	<b>1.149.017.177</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	848.510.267	(195.917.854)	4.138.525	1.048.566.646
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.991.908	90.692.880	53.151.503	97.450.531
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	3.142.782	3.142.782	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa		-	3.000.000	3.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	410.888.890	16.897.223
Các khoản khác	381.619.163	251.623.698
<b>Tổng</b>	<b>792.508.053</b>	<b>268.520.921</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>410.888.890</i>	<i>16.897.223</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

**5.20 Phải trả khác**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.071.397.938</b>	<b>968.905.354</b>
Kinh phí công đoàn	202.728.560	162.738.160
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.125.000	3.867.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	398.004.148	105.504.148
Cổ tức phải trả	-	24.505.630
Phải trả, phải nộp khác	1.465.540.230	672.289.716
<b>Dài hạn</b>	<b>428.128.000</b>	<b>335.128.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	428.128.000	335.128.000
<b>Tổng</b>	<b>2.499.525.938</b>	<b>1.304.033.354</b>

(i) Nhận ký quỹ ký cược dài hạn để đảm bảo cho việc cho thuê văn phòng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	1.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh (ii)	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	4.500.000.000	4.500.000.000	-	1.000.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>						
<b>Vay các bên liên quan</b>						
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	1.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

(i) Hợp đồng vay số 2612/GFC-HMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 29/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay số 2612/GFAHMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 4.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 27/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.22 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	96.079.142.928	1.415.437.230	237.739.119.544
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.961.940.628	(41.001.268)	1.920.939.360
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	-	(2.944.454.848)	-	(2.944.454.848)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(51.882.924)	(38.594.823.924)
Giảm khác	-	-	-	-	(64.726.611)	-	(64.726.611)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(4.394.588.700)</b>	<b>6.746.673.815</b>	<b>56.488.961.097</b>	<b>1.322.553.038</b>	<b>198.056.053.521</b>
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	56.488.961.097	1.322.553.038	198.056.053.521
(Lỗ)/Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	(349.576.431)	38.305.228	(311.271.203)
Trích lập các quỹ kỳ này (i)	-	-	-	-	(294.291.093)	-	(294.291.093)
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu do	-	-	-	-	9.303.238	-	9.303.238
Công ty liên kết tăng vốn	-	-	-	(39)	15.688.264	(15.688.225)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(4.394.588.700)</b>	<b>6.746.673.776</b>	<b>55.870.085.075</b>	<b>1.345.170.041</b>	<b>197.459.794.463</b>

(i) Công ty Cổ phần Hải Minh, trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 196.194.062 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của Hội đồng Quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 98.097.031 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	93.825.420.000	9.382.542	71,08%	93.825.420.000
<b>Tổng</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>131.998.470.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	<b>38.542.941.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.200.000</b>	<b>13.200.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13.199.847</b>	<b>13.199.847</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>352.200</b>	<b>352.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>12.847.647</b>	<b>12.847.647</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.746.673.776	6.746.673.815

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.23 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 30/6/2023, các Công ty con của Công ty thuê hoạt động các lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất ký với đại diện cơ quan nhà nước tại thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết như sau:

**Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê**

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 17.178,36 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 14/01/2059.

**Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê**

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 20.330,03 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất là 30 năm, đến hết ngày 15/11/2030. Kể từ năm 2021, tiền thuê hàng năm là 1.072.460.000 VND.

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang nêu trên mà Công ty dự kiến phải thanh toán theo các thời hạn:

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.000.686.231	1.072.460.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.002.744.924	4.289.840.000
Từ năm thứ năm trở đi	31.533.508.167	3.172.694.167
<b>Tổng</b>	<b>41.536.939.322</b>	<b>8.534.994.167</b>

**b. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	81,21	1.921.916	96,70	2.267.615



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	10.431.900.056	13.080.343.567
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	3.635.570.391	6.659.507.002
Doanh thu cho thuê văn phòng (i)	2.511.852.430	2.051.882.024
Doanh thu cho thuê bãi	21.906.455.304	19.998.905.259
Doanh thu khác	338.553.585	-
<b>Tổng</b>	<b>38.824.331.766</b>	<b>42.780.222.342</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>	<i>2.661.945.842</i>	<i>-</i>

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 55.000.001 VND.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	12.429.670.419	15.379.517.999
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	-	996.214.227
Giá vốn dịch vụ đại lý container	2.058.896.386	2.653.446.264
Giá vốn cho thuê văn phòng (i)	1.474.855.129	1.246.864.847
Giá vốn cho thuê bãi	15.948.332.096	15.900.679.908
Giá vốn dịch vụ khác	323.420.423	-
<b>Tổng</b>	<b>32.235.174.453</b>	<b>36.176.723.245</b>

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 12.960.043 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	622.912.014	1.709.442.569
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	789.642.009
Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán	230.642.418	161.200.266
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	113.819.592	95.001.676
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	782.904.451
<b>Tổng</b>	<b>967.374.024</b>	<b>3.538.190.971</b>

*Trong đó:*

**Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

7.671.233

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	428.000.000	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	114.633.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	43.596.038	86.421.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ kế toán	-	-
Lỗ phân bổ mua trái phiếu	-	49.472.950
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(129.837.004)	2.536.859.135
Chi phí tài chính khác	2.330.597	-
<b>Tổng</b>	<b>344.089.631</b>	<b>2.787.386.938</b>

*Trong đó:*

**Chi phí lãi vay từ các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

428.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**0**

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	68.181.818	13.222.103
<b>Tổng</b>	<b>68.181.818</b>	<b>13.222.103</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	355.247.090	268.924.495
<b>Tổng</b>	<b>355.247.090</b>	<b>268.924.495</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(287.065.272)</b>	<b>(255.702.392)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	125.105.965	814.917.397
<b>Tổng</b>	<b>125.105.965</b>	<b>814.917.397</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	388.127.062	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(30.832.929)	-
<b>Tổng</b>	<b>357.294.133</b>	<b>-</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)</b>	<b>(349.576.431)</b>	<b>2.454.600.033</b>
Các khoản điều chỉnh	-	(147.145.500)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(98.097.000)
- Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát	-	(49.048.500)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)</b>	<b>(349.576.431)</b>	<b>2.307.454.533</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.847.647	12.847.647
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(27)</b>	<b>180</b>

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	2.454.600.033	2.454.600.033	-
Điều chỉnh giảm do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát	(368.190.005)	(147.145.500)	(221.044.505)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	2.086.410.028	2.307.454.533	(221.044.505)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.847.647	12.847.647	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	162	180	(17)

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.146.812.631	2.824.851.003
Chi phí nhân công	11.231.452.131	11.187.471.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.533.740.417	4.693.256.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.230.859.786	18.842.550.370
Chi phí khác bằng tiền	1.800.731.941	2.477.394.754
<b>Tổng</b>	<b>35.943.596.906</b>	<b>40.025.524.324</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về vụ kiện**

Ngày 01/02/2023, Công ty nộp đơn khởi kiện Ông Trần Minh Thắng tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre liên quan đến một số khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hải Minh do Ông Trần Minh Thắng quản lý. Ngày 03/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thụ lý vụ án dân sự số 42/TB-TLVA về việc “tranh chấp Hợp đồng dân sự”. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đồng thời, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ các khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác do Ông Trần Minh Thắng quản lý với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 455.431.537 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.2 Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.777.715.680	1.663.617.164
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.195.138.880	2.904.963.200
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.972.854.560</b>	<b>4.568.580.364</b>

**7.3 Thông tin về thay đổi trụ sở Công ty**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Hải Minh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở chính của Công ty như sau:

- Thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Hải Minh từ Tp. Hồ Chí Minh ra Tp. Hải Phòng;
- Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc đơn vị tương đương để đảm bảo hoạt động của Công ty tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công việc về thay đổi trụ sở nêu trên đang được tiến hành.

**7.4 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
3	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ
5	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác****Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	183.200.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-

**Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban (đến ngày 24/10/2022)	-	-
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	24.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	24.000.000	-
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)	24.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>
		<b>kết thúc</b>	<b>kết thúc</b>
		<b>ngày 30/6/2023</b>	<b>ngày 30/6/2022</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	226.306.000	182.966.667
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/5/2022)	-	143.333.332
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	210.800.000	220.800.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	14.400.000	12.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</u> VND	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022</u> VND
<u>Mua hàng</u>				
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Sửa chữa, dịch vụ vận tải	512.304.546	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	452.122.728	-
<u>Bán hàng</u>				
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ vận tải	2.661.945.842	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Cho thuê văn phòng, phí sử dụng điện	2.641.330.441	-
<u>Cho vay</u>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Phí nâng hạ	12.596.310	-
<u>Các khoản doanh thu tài chính</u>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Nợ gốc cho vay trong kỳ	8.019.091	-
		Lãi dự thu đã ghi nhận trong kỳ	5.000.000.000	-
			7.671.233	-
			7.671.233	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Các khoản chi phí tài chính</b>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi phí lãi vay	428.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Chi phí lãi vay	224.888.890	-
<b>Cổ tức</b>			203.111.110	-
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	7.286.400.000
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	4.165.515.000
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	1.013.712.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	306.210.000
Ông Trần Đoàn Việt	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	215.424.000
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	1.580.154.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	91.140.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	450.285.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	772.605.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên ban kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	211.425.000
Bà Vũ Thị Ngọc Ánh	Các nhân có liên quan đến người quản lý chủ chốt	Cổ tức đã chia	-	30.300.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Hải Minh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT		1.232.614.116	890.328.624
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Ánh Dương Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ		1.158.547.902	887.994.867
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Dương Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty		6.927.971	2.333.757
			67.138.243	-
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Phải thu về lãi cho vay	19.671.233	-
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Phải thu về chi hộ	7.671.233	-
			12.000.000	-
<u>Phải thu về cho vay</u>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Phải thu nợ gốc cho vay	5.000.000.000	-
			5.000.000.000	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT		260.388.000	171.716.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Ánh Dương Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ		260.388.000	135.476.200
			-	36.240.000
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Dương Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Lãi vay phải trả	410.888.890	16.897.223
			410.888.890	16.897.223
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	10.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Dương Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	5.500.000.000	5.500.000.000
			4.500.000.000	5.500.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.5 Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Dịch vụ vận tải, đại lý container, cho thuê văn phòng và kho bãi, và các lĩnh vực kinh doanh khác. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo vị trí địa lý của các khách hàng của Công ty gồm các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam, và các khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam.

**Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	văn phòng, kho bãi	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng cộng
	10.431.900.056	3.635.570.391	24.418.307.734	338.553.585	38.824.331.766
	2.586.864.486	-	1.118.465.605	-	3.705.330.091
	(2.586.864.486)	-	(1.118.465.605)	-	(3.705.330.091)
	<b>10.431.900.056</b>	<b>3.635.570.391</b>	<b>24.418.307.734</b>	<b>338.553.585</b>	<b>38.824.331.766</b>
	12.429.670.419	2.058.896.386	17.423.187.225	323.420.423	32.235.174.453
	<b>(1.997.770.363)</b>	<b>1.576.674.005</b>	<b>6.995.120.509</b>	<b>15.133.162</b>	<b>6.589.157.313</b>

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận

Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận

**Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.5 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	văn phòng, kho bãi	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	13.080.343.567	6.659.507.002	22.050.787.283	989.584.490	42.780.222.342
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.574.632.099	-	1.468.188.263	-	5.042.820.362
Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận	(3.574.632.099)	-	(1.468.188.263)	-	(5.042.820.362)
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.080.343.567</b>	<b>6.659.507.002</b>	<b>22.050.787.283</b>	<b>989.584.490</b>	<b>42.780.222.342</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	15.379.517.999	2.653.446.264	17.147.544.755	996.214.227	36.176.723.245
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(2.299.174.432)</b>	<b>4.006.060.738</b>	<b>4.903.242.528</b>	<b>(6.629.737)</b>	<b>6.603.499.097</b>

**Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)		Tổng cộng
	Khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam	Khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.040.145.480	35.784.186.286	38.824.331.766
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.968.455.447	36.811.766.895	42.780.222.342

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.6 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan, ngoại trừ một số thông tin thuyết minh được trình bày lại như đề cập dưới đây, là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại một số thông tin Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

**Trình bày bổ sung Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày bổ sung Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 do đánh giá lại về rủi ro và tỷ suất sinh lời của các lĩnh vực kinh doanh nhằm mục đích lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, đồng thời, xác định lại vị trí của khách hàng của Công ty nhằm mục đích lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Trình bày lại thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4): trình bày bổ sung số dư với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cảnh Đồng Xanh do xác định chưa đầy đủ thông tin các bên liên quan

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)	887.994.867	890.328.624	2.333.757
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)	135.476.200	171.716.200	36.240.000

Thuyết minh số 5.6 - Trả trước cho người bán ngắn hạn: trình bày lại số dư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc do thuyết minh số dư chưa đúng đối tượng

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	27.557.419.576	20.009.363.617	7.548.055.959
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	-	7.548.055.959	(7.548.055.959)
Các đối tượng khác	105.324.000	105.324.000	-
<b>Tổng</b>	<b>27.662.743.576</b>	<b>27.662.743.576</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.6 Thông tin so sánh (Tiếp theo)**

Thuyết minh số 5.8 - Phải thu ngắn khác: trình bày lại số dư các khoản dự phòng do thuyết minh chưa đúng số liệu:

	01/01/2023 (VND) (Số đã báo cáo)		01/01/2023 (VND) (Số trình bày lại)		Chênh lệch (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>794.090.323</b>	-	<b>794.090.323</b>	<b>(22.710.762)</b>	-	<b>(22.710.762)</b>
Tạm ứng cho nhân viên	319.529.840	-	319.529.840	-	-	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	28.109.589	-	28.109.589	-	-	-
Công ty Bảo Minh Hải Phòng - Phải thu bồi thường	217.549.221	-	217.549.221	-	-	-
Phải thu khác	228.901.673	-	228.901.673	(22.710.762)	-	(22.710.762)
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	-	<b>5.000.000</b>	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>799.090.323</b>	-	<b>799.090.323</b>	<b>(22.710.762)</b>	-	<b>(22.710.762)</b>

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng